

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/HS-PT

Ngày: 11 – 8 – 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 754/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Hà Thị Lan N, do có kháng cáo của bị cáo và của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2025/HS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Bị cáo có kháng cáo: Họ và tên: **Hà Thị Lan N**; sinh năm 1991 tại Thành phố H; nơi ĐKKHTT: Số nhà A đường T, phường P, Thành phố H (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số nhà A đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) chỗ ở: Căn hộ A Chung cư T, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Căn hộ A Chung cư T, khối A, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn S và bà Võ Thị H; chồng: Trịnh Khắc T (đã ly hôn); chồng: Nguyễn Văn Đ; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh ngày 23/4/2023; nhân thân: Ngày 17/7/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2023/HS-ST; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án: Luật sư Đinh Anh T1, Công ty L2, Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- Người bị hại có kháng cáo: Chị Trần Hà P, sinh năm 1989; nơi thường trú: K, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: K, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An); nơi ở: Số nhà F, ngõ A, đường T, phường Y, Thành phố Hà Nội (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số nhà F, ngõ A, đường T, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không triệu tập tham gia phiên toà gồm:

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm D Đ, xã L, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Xóm D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Phạm Thị Bích H2, sinh năm 1979; địa chỉ: P, chung cư B, phường T, Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: P, chung cư B, phường Q, thành phố V, Nghệ An).

+ Chị Lê Thùy L, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ G, khối A H, phường T, Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Tổ G, khối A, phường H, thành phố V, Nghệ An).

+ Anh Lương Minh Q, sinh năm 1995; địa chỉ: Nhà số B, ngách C, ngõ I, đường T, phường V, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Nhà số B, ngách C, ngõ I, T, xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Trần Thị H3, sinh năm 1995; địa chỉ: Khối H, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước sáp nhập: Khối H, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Lương Thu T2, sinh năm 1994; địa chỉ: Số F, đường P, khối G B, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số F, Phong Định C, khối G, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Bùi Anh Đ1, sinh năm 1988; địa chỉ: Khối Y, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Phan Thị Hà T3, sinh năm 1998; địa chỉ: Số E, đường L, khối T, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số E, đường L, khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Phan Thị H4, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu tập thể C, khối A T, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Khu tập thể C, khối A, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Nguyễn Anh T4, sinh năm 2000; địa chỉ: K C, phường V, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: K, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Trần Thị Hồng H5, sinh năm 1995; địa chỉ: Nhà số B, ngách C, ngõ I, đường T, phường V, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Nhà số B, ngách C, ngõ I, T, xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Nguyễn Thị Kiều T5, sinh năm 1992; địa chỉ: Khối Y, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ: Khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Võ Hoàng D, sinh năm 1988; địa chỉ: Số B, đường A, khối A, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số B, đường A, khối A, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Đinh Hữu T6, sinh năm 1994; địa chỉ: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Khối T, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Trần Thị N1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn V, phường N, tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn V, xã V, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh).

+ Chị Tô Thị Kim T7, sinh năm 1994; địa chỉ: Số B, đường A, khối A, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số B, đường A, khối A, phường H, thành

phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Trần Công V, sinh năm 1986; địa chỉ: Số G, ngõ B, đường T, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số G, ngõ B, đường T, khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1996; địa chỉ: Số A, ngõ A, đường H, phường V, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: số A, ngõ A, đường H, khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Đoàn Thị T8, sinh năm 1992; địa chỉ: Đường H, phường V, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Đường H, xóm Y, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Đặng Thị T9, sinh năm 1993; địa chỉ: Số B, L, phường C, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số B, Lê Văn M, khối C, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Trần Văn Anh Q1, sinh năm 2001; địa chỉ: Ngách A, ngõ E, đường T, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Ngách A, ngõ E, đường T, khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Lê Thị Trà M1, sinh năm 1986; địa chỉ: Đ, xóm P, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Đội 3, xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ: Số C, Đặng Thai M2, xóm Y, phường V, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số C, Đặng Thai M2, xóm Y, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Dương Thị L1, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 52b, Y, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số 52b, Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Trần Mạnh H6, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm T, phường V, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 1996; địa chỉ: Phòng A Chung cư E, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Phòng 12A14 Chung cư E, khối B, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Trần Đức K, sinh năm 2002; địa chỉ: Xóm B, xã H, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Phan Thế S1, sinh năm 1997; địa chỉ: Khối Đ, phường V, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Khối Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Trần Văn H7, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà A, đường N, phường V, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số nhà A, N, khối A, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Trần Văn A1, sinh năm 1994; địa chỉ: Phòng A Chung cư E, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Phòng 12A14 Chung cư E, khối B, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Căn hộ A Chung cư T, phường T, tỉnh Nghệ An (địa chỉ trước khi sáp nhập: Căn hộ A Chung cư T, khối A, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An).

+ Chị Hà Thị Lan P1, sinh năm 2000; địa chỉ: Kiệt B, đường P, phường N, Thành phố Đà Nẵng (địa chỉ trước khi sáp nhập: Kiệt B, đường P, phường M, quận N, Thành phố Đà Nẵng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2014, Hà Thị Lan N và chị Trần Hà P quen biết và chơi thân với nhau khi cả hai có thời gian cùng làm việc tại một cửa hàng tóc trên đường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. N thường xuyên qua lại ăn ở trong nhà, trao đổi tâm sự chuyện đời sống gia đình, làm ăn chung với chị P... Lợi dụng mối quan hệ thân thiết, nắm bắt được toàn bộ đời sống cá nhân, diễn biến tâm lý của chị P nên trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2022, N đã tác động, thao túng tâm lý, giả danh nhiều người để liên lạc, trao đổi, thỏa thuận với chị P về các nội dung như vay tiền, chạy đi xuất khẩu lao động, thuê điều tra, dàn dựng các tình huống không có thật, nhiều lần lừa chị P chuyển tiền từ 02 tài khoản số 0861000074820 Ngân hàng V1 và tài khoản số 39023456789 Ngân hàng S2 của chị P đến nhiều tài khoản khác nhau để chiếm đoạt của chị P 2.919.944.000đ (hai tỷ chín trăm mười chín triệu chín trăm bốn bốn nghìn đồng) như sau:

Năm 2018, N biết rõ trước đây có người tên Phan Thu T10, sinh năm 1992, trú tại phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An thường xuyên nhắn tin hỏi chị P về mối quan hệ tình cảm giữa N và anh Nguyễn Văn Đ (chồng của N) vì trước đó T10 và anh Đ có mối quan hệ tình cảm với nhau. N nói với chị P rằng T10 là chị họ con dì của N, do N từng giới thiệu Đ tham gia làm ăn buôn bán cùng nhau nên T10 phát sinh tình cảm với Đ, giữa T10 và N từ đó phát sinh mâu thuẫn. Tại thời điểm này, N nợ nần nhiều người không có khả năng chi trả nên khi biết T10 không liên lạc với chị P nữa, N đã lập tài khoản Zalo khác mạo danh Phan Thu T10 tiếp tục nhắn tin trao đổi, chia sẻ, tâm sự với chị P về cuộc sống, tình cảm, công việc gia đình, để lừa vay tiền của chị P (dưới danh nghĩa của T10). Trong quá trình mạo danh T10, khi chị P hỏi thì N đưa ra thông tin gian dối về hoàn cảnh của T10 (bố mất sớm, bản thân T10 là mẹ đơn thân và thường xuyên đau ốm bệnh tật...) để chị P đồng cảm với T10. Ngày 03/12/2018 và ngày 16/01/2019, N đã giả danh T10 nhắn tin vay tiền chị P để điều trị bệnh. Chị P sử dụng tài khoản số 0861000074820 Ngân hàng V1 02 lần chuyển khoản tổng số tiền 14.500.000 đồng vào tài khoản số 0331000398306 Ngân hàng V1 của chị Lê Thị Huỳnh M3, sinh năm 1990, trú tại phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. N sử dụng số tiền trên để thanh toán phường cho chị Lê Thị Huỳnh M3. Để tránh việc chị P tìm cách xác định danh tính, tìm gặp T10 thì N tiếp tục bịa đặt thông tin với chị P rằng T10 bị ung thư phải điều trị (trong quá trình đó thì mẹ T10 cũng chết do tai nạn giao thông). N giả danh một người tên Phan Ngọc H8 (anh ruột của T10), sinh năm 1990, là phi công của VietnamAirline để liên lạc với chị P qua tài khoản Z (tài khoản dùng để mạo danh T10).

Cuối năm 2018, N (giả danh H8) nhắn tin với chị P nói rằng bản thân phải gánh chi phí điều trị ung thư của T10 tại Singapore trong thời gian dài dẫn tới kiệt quệ tài chính. Đến năm 2020, H8 bị tai nạn nên nhắn tin đặt vấn đề vay tiền của chị P để chi trả viện phí, hứa hẹn sau khi về Việt Nam sẽ trả lại đầy đủ. Do H8 không có tài khoản ở Việt Nam nên phải mượn tài khoản của bác sỹ, nhân viên y tế chăm sóc cho H8. Chị P vì tin tưởng và thương cho hoàn cảnh của T10, Hoàng cộng thêm tác động từ

N nên đã chuyển khoản theo yêu cầu từ nhân vật H8 do N giả danh như sau:

+ Ngày 19/02/2020, chị P chuyển 8.000.000 đồng vào tài khoản số 0861000090022 Ngân hàng V1 của chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989, trú tại xóm D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An với lý do vay trả tiền viện phí cho Phan Ngọc H8 (anh trai Phan Thu T10). Sau khi chị P chuyển tiền vào tài khoản của chị H1 thì N liên lạc với chị H1 nói rằng N đã nhờ người quen chuyển tiền vào tài khoản chị H1 để thanh toán 5.750.000 đồng tiền chơi phường. Do chuyển nhầm, còn thừa 2.250.000 đồng nên nhờ chị H1 chuyển lại vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Văn Đ (tài khoản này do N sử dụng).

+ Ngày 20/3/2020, chị P chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001131582 Ngân hàng V1 của chị Phạm Thị Bích H2 sinh năm 1979, trú tại Phòng 303, chung cư B, khối A, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An với lý do vay trả tiền viện phí cho Phan Ngọc H8 (anh trai Phan Thu T10). Trước đó N liên lạc nói với chị H2 rằng N nhận tiền từ người quen nhưng tài khoản bị lỗi nên mượn tài khoản chị H2 nhận hộ. N đã nhận 20.000.000 đồng tiền mặt từ chị H2.

Trong khi lừa vay tiền của chị P thì N tiếp tục giả danh người khác tên Phan Ngọc T11 (là em họ của H8, T10), sinh năm 1986, nhà ở huyện Q, tỉnh Nghệ An, hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Trên danh nghĩa của T11 đã liên lạc với chị P nói rằng T11 đang về Việt Nam thăm gia đình thì biết tin H8 bị tai nạn giao thông nặng, đang hôn mê và T11 phải chăm sóc H8 nên đang sử dụng tài khoản Zalo của H8, đồng thời gửi một số hình ảnh chụp một người đàn ông đang nằm điều trị trong bệnh viện. Chị P có hỏi lại về nội dung này thì N xác nhận đúng có người tên T11 (em họ T10) và người đàn ông nằm điều trị trong bệnh viện trong các bức ảnh mà T11 gửi đúng là H8.

Năm 2019, N giả danh T11 giới thiệu rằng trước đây từng xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và đã lấy vợ người N2 (tên là A2), gia đình vợ của T11 cũng có công ty B1 ở N. Khi biết chị P có mong muốn nhờ giúp Nguyễn Văn H9, Nguyễn Thị H10 (là các em họ của chị P) đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. N đã nảy sinh ý định tiếp tục lừa chị P chiếm đoạt tài sản. N đưa ra thông tin gian dối rằng người tên T11 đúng là đã từng giúp cho một số người anh em họ hàng của Phan Thu T10 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Sau đó, N (giả danh T11) nhắn tin trao đổi, thỏa thuận sẽ giúp bảo lãnh cho hai em họ của chị P sang làm việc ở Nhật Bản với giá tiền mỗi người là 120.000.000 đồng (trong đó, đối với H9 thì hứa hẹn sẽ cho học lái xe và làm lái xe cho bố vợ của T11; đối với Huế thì đào tạo để bán hàng tại cửa hàng bánh kẹo công ty của gia đình vợ T11). Sau khi chị P đồng ý thỏa thuận, N giả danh T11 liên lạc yêu cầu chị P chuyển tiền chi phí chạy xuất khẩu lao động cho Nguyễn Văn H9 và Nguyễn Thị H10 đến nhiều tài khoản ngân hàng khác nhau với các lý do như tiền chi phí xuất khẩu lao động, tiền phí hồ sơ có lỗi phải đóng tiền nộp lại, chi phí học tiếng...do T11 không có tài khoản ở Việt Nam nên nhờ tài khoản của người quen, tài khoản của trợ lý, thông dịch viên của vợ T11 như sau:

+ Ngày 23/01/2019, chị P chuyển 46.000.000 đồng vào tài khoản số 0101000579579 Ngân hàng V1 của chị Lê Thùy L, sinh năm 1990, trú tại khối A, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi chị P chuyển tiền vào tài khoản của

chị L thì N liên lạc lại báo rằng đã chuyển nhầm rồi yêu cầu chị L chuyển 41.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Văn Đ, còn lại 5.000.000 đồng thì N nhận tiền mặt từ chị L.

+ Ngày 08/3/2019, chị P chuyển 17.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001178591 Ngân hàng V1 của anh Lương Minh Q, sinh năm 1995, trú tại xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An (tài khoản này do chị Trần Thị Hồng H5, sinh năm 1995, trú tại xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An sử dụng). Sau đó N báo chị H5 báo rằng N nhờ người thân chuyển nộp 4.500.000 đồng tiền phường cho chị H5 nhưng do bấm nhầm nên chuyển thừa 12.500.000 đồng, N nhờ chị H5 chuyển khoản lại 12.500.000 đồng vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Văn Đ.

+ Ngày 01/4/2019, chị P chuyển 15.000.000 đồng vào tài khoản số 19033904039019 Ngân hàng T13 của chị Trần Thị H3, sinh năm 1995, trú tại khối H, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi chị P chuyển tiền vào tài khoản của chị H3 thì N liên lạc lại báo rằng đã chuyển nhầm rồi yêu cầu chị H3 chuyển 12.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Văn Đ, còn lại 3.000.000 đồng N nhận tiền mặt và dùng để thanh toán luôn tiền mua hàng của chị H3.

+ Ngày 12/4/2019, chị P chuyển 7.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001134456 Ngân hàng V1 của anh Võ Ngọc H11, sinh năm 1995, trú tại khối C, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi chị P chuyển tiền vào tài khoản của anh H11 thì N liên lạc lại báo rằng đã chuyển nhầm rồi yêu cầu anh H11 chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Văn Đ, còn lại 2.000.000 đồng N nhận tiền mặt từ anh H11.

+ Ngày 04/6/2019, chị P chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001206908 Ngân hàng V1 của chị Lương Thu T2, sinh năm 1994, trú tại khối G, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. N sử dụng số tiền này để trả tiền suất phường của N cho chị T2.

+ Ngày 05/6/2019, N đã mạo danh người Nhật tên A2 để nhắn tin lừa chị P chuyển 6.000.000 đồng vào tài khoản số 0451000258426 Ngân hàng V1 của anh Bùi Anh Đ1, sinh năm 1988, trú tại khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An với lý do chi phí chạy xuất khẩu lao động. Thực tế là N lừa chị P chuyển tiền để trả tiền phường cho chị Nguyễn Thị Kiều T5 (vợ anh Đ1).

+ Ngày 15/6/2019 đến ngày 16/01/2020, chị P thực hiện 07 lượt chuyển tổng số tiền 143.000.000 đồng vào tài khoản số 0861000073762 Ngân hàng V1 của chị Phan Thị Hà T3, sinh năm 1998, trú tại khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Số tiền này N sử dụng để trả 3.000.000 đồng tiền chơi phường trên mạng xã hội và 2.650.000 đồng tiền N mua mỹ phẩm của chị T3. Còn lại 137.350.000 đồng N nói mượn tài khoản ngân hàng của chị T3 để nhận tiền của người thân trả nợ nhưng không muốn cho chồng biết và nhờ chị T3 chuyển tiếp đến tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 của Nguyễn Văn Đ.

Để tránh sự nghi ngờ, Ngọc đã truy cập vào mạng Internet tìm hiểu, đăng ký cho

các em họ của chị P vào học Trung tâm đào tạo tiếng Nhật ở thành phố V, tỉnh Nghệ An và ở Thành phố Hà Nội (thời gian đầu khi các em của chị P vào học ở các trung tâm theo chỉ dẫn thì không mất tiền do N đã dùng tiền của chị P chuyển khoản để đóng trước một phần, nhưng sau đó toàn bộ các kinh phí còn lại đều do chị P phải tự đóng tiếp để trả cho các công ty môi giới xuất khẩu lao động).

+ Ngày 05/6/2019, chị P chuyển 16.000.000 đồng vào tài khoản số 0491000056482 Ngân hàng V1 của anh Trần Hữu H12, sinh năm 1984, trú tại phường T, quận T, Thành phố Hà Nội là chi phí ban đầu của khóa học tiếng Nhật cho Nguyễn Văn H9, Nguyễn Thị H10 (là các em họ của chị P).

+ Ngày 08/6/2019, chị P chuyển 22.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001226947 Ngân hàng V1 của chị Phan Thị H4, sinh năm 1992, trú tại khối A, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Trước đó, N liên lạc nói mượn tài khoản ngân hàng của chị H4 để nhận tiền từ người quen vì tài khoản bị lỗi. N đã nhận 22.000.000 đồng tiền mặt từ chị H4.

+ Ngày 10/6/2019 và ngày 12/6/2019, chị P 02 lần chuyển khoản tổng số tiền 16.000.000 đồng vào tài khoản số 0541000319616 Ngân hàng V1 của chị Đỗ Thị T12, sinh năm 1987, trú tại xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. N sử dụng số tiền trên để thanh toán tiền chơi phường trên mạng xã hội cho chị Đỗ Thị T12.

+ Ngày 12/7/2019, chị P chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản số 19033563941010 Ngân hàng T13 của anh Nguyễn Anh T4, sinh năm 2000, trú tại khối A, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau đó N liên lạc báo do chồng chuyển nhầm và nhờ anh T4 chuyển trả 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Văn Đ.

+ Ngày 01/8/2019, chị P chuyển 11.000.000 đồng vào tài khoản số 3600205218560 Ngân hàng A3 của chị Nguyễn Thị Thanh H13, sinh năm 1996, trú tại khối C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau đó, N liên lạc báo do tài khoản N bị lỗi nên mượn tài khoản của chị H13 để nhận tiền và nhờ chị H13 chuyển 11.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Văn Đ.

+ Từ ngày 05/8/2019 đến ngày 24/9/2019, chị P 12 lần chuyển vào tài khoản số 0101001166320 Ngân hàng V1 của anh Võ Hoàng D, sinh năm 1988, trú tại khối A, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An tổng cộng 114.300.000 đồng. N sử dụng toàn bộ số tiền này trả nợ cho chị Tô Thị Kim T7 (là vợ anh Võ Hoàng D), sinh năm 1994 (anh D và chị T7 cùng sử dụng tài khoản này).

+ Từ ngày 18/8/2019 đến ngày 19/12/2019, chị P 04 lần chuyển tiền vào tài khoản số 0101001084417 Ngân hàng V1 của anh Đinh Hữu T6 sinh năm 1994, trú tại khối T, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An tổng số tiền 36.600.000 đồng với lý do chi phí chạy xuất khẩu lao động cho em Nguyễn Văn H9 (em họ của chị P). N sử dụng 25.000.000 đồng trả nợ tiền chơi phường cho anh T6. Còn lại 11.600.000 đồng N nói rằng mượn tài khoản của anh T6 để nhận tiền hộ rồi yêu cầu chuyển lại (ngày 18/8/2019 chuyển 3.600.000 đồng, ngày 19/12/2019 chuyển 8.000.000 đồng) vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Văn Đ.

Sau thời gian chờ đợi không nhận được phản hồi, chị P nhắn tin xin rút lại tiền thì N (giả danh T11) nhắn tin trả lời rằng nếu đơn phương hủy hợp đồng thì sẽ mất toàn bộ tiền đã đóng và hứa hẹn khi các em họ của chị P sang được Nhật Bản sẽ hoàn lại toàn bộ số tiền đã đóng thêm, chỉ thu đúng số tiền phí cam kết ban đầu là 240.000.000 đồng.

Để tránh chị P phát hiện ra sự thật, N tiếp tục giả danh người khác tên A2 (tự giới thiệu là người Nhật, vợ của Phan Ngọc T11) liên lạc với chị P thông qua email TuanAjika2706@gmail và nói do con trai của họ bị mắc bệnh xương thủy tinh, cần tìm một người giúp việc lâu dài và hứa sẽ giúp bảo lãnh sang Nhật Bản làm việc. Chị P tin tưởng, đồng ý thỏa thuận nhờ Ajika bảo lãnh cho Nguyễn Thị T5 (em họ của chị P) được sang Nhật Bản. Chị P đã nhiều lần chuyển tiền vào các tài khoản mà N (giả danh Ajika) yêu cầu như sau:

+ Ngày 09/9/2019, chị P chuyển 7.500.000 đồng vào tài khoản số 98021787 Ngân hàng V2 của chị Trần Thị N1, sinh năm 1993, trú tại khối A, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An. N sử dụng số tiền này để trả nợ suất phường của N cho chị N1.

+ Từ ngày 10/10/2019 đến ngày 18/12/2019, chị P 04 lần chuyển vào tài khoản số 151122288 Ngân hàng V2 của chị Tô Thị Kim T7, sinh năm 1994, trú tại khối A, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An tổng số tiền 107.000.000 đồng. N sử dụng số tiền này để trả nợ cho chị T7.

+ Ngày 13/12/2019, chị P chuyển 1.500.000 đồng vào tài khoản số 0861006689999 Ngân hàng V1 của anh Trần Công V, sinh năm 1986, trú tại khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. N sử dụng số tiền này thanh toán tiền mua bộ đồ chơi trẻ em cho anh Trần Công V 319.000 đồng, còn lại số tiền 1.181.000 đồng N nhận tiền mặt tại anh V.

+ Ngày 14/12/2019 đến ngày 12/01/2020, chị P 09 lần chuyển tổng số 181.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001085643 Ngân hàng V1 của chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1996, trú tại khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau đó, N nói với chị Phương A là tài khoản bị lỗi nên mượn tài khoản để nhận tiền người thân chuyển. Số tiền này N xin nhận lại tiền mặt 5.000.000 đồng, trả tiền mua hàng cho chị Phương A 3.000.000 đồng, nhờ chị Phương A chuyển 64.000.000 đồng trả tiền nợ cho nhiều người, còn lại 109.000.000 đồng N nhờ chuyển vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 của Nguyễn Văn Đ.

+ Ngày 09/5/2020 đến ngày 30/6/2020, chị P 14 lần chuyển khoản tổng số 64.500.000 đồng vào tài khoản số 0101001099683 Ngân hàng V1 của chị Đoàn Thị T8, sinh năm 1992, trú tại xóm Y, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Số tiền này N thanh toán 245.000 đồng chi phí mua hàng cho chị T8. Còn lại 64.255.000 đồng, N nói mượn tài khoản để nhận tiền của người quen do tài khoản của N bị lỗi nên nhờ chị T8 chuyển lại vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 của Nguyễn Văn Đ và tài khoản số 22333333333 Ngân hàng S2 của chị Hà Thị Lan P1 (là tài khoản Ngọc mượn của em gái để sử dụng).

+ Ngày 12/6/2020, chị P1 chuyển khoản 2.500.000 đồng vào tài khoản số 0861000038122 Ngân hàng V1 của chị Đặng Thị T9, sinh năm 1993, trú tại khối C,

phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Sau đó N nói do chồng chuyển nhầm tài khoản nên nhờ chị T9 chuyển lại vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 của Nguyễn Văn Đ.

Sau khi chờ đợi quá lâu nhưng các em của chị P1 vẫn không đi Nhật Bản được theo thỏa thuận nên chị P1 liên lạc yêu cầu rút tiền lại, N (giả danh Phan Ngọc T11) đưa ra lý do rằng muốn lấy lại tiền thì phải đóng tiền nộp phạt vì hủy hợp đồng, chị P1 sợ rằng mất đi số tiền đã nộp trước đây nên tiếp tục tin tưởng chuyển tiền vào nhiều tài khoản khác nhau theo yêu cầu của N (giả danh Phan Ngọc T11).

+ Từ ngày 28/6/2020 đến ngày 19/11/2020, chị P1 chuyển khoản 380.600.000 đồng (37 lần chuyển khoản tổng số 350.400.000 đồng vào tài khoản số 51810000352759 Ngân hàng B2 và 03 lần chuyển tổng số 30.200.000 đồng vào tài khoản số 030062557210 Ngân hàng S3 đều của anh Trần Văn Anh Q1, sinh năm 2001, trú tại khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An). Số tiền này N thanh toán 8.980.000 đồng chi phí mua hàng và giao hàng cho anh Q1. Còn lại 371.620.000 đồng, N nói mượn tài khoản để nhận tiền của người quen do tài khoản của N bị lỗi nên nhờ anh Q1 chuyển lại vào tài khoản số 0975557994 Ngân hàng MB của N và tài khoản số 22333333333 Ngân hàng S2 của chị Hà Thị Lan P1 (là tài khoản Ngọc mượn của em gái để sử dụng).

+ Từ ngày 05/7/2020 đến ngày 05/11/2020, chị P1 06 lần chuyển khoản tổng số 19.850.000 đồng vào tài khoản số 8100124122019 Ngân hàng MB mang tên chị Hà Thị Lan N.

+ Ngày 02/10/2020, chị P1 chuyển khoản 50.000.000 đồng vào tài khoản số 0101001130151 Ngân hàng V1 của chị Lê Thị Trà M1, sinh năm 1986, trú tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Ngọc dối rằng đó là tiền viện phí con của N do em dâu người Nhật Bản đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh chuyển nhầm vào tài khoản của chị Trà M1 (vì N cung cấp nhầm) nên nhờ chị Trà M1 chuyển lại vào tài khoản số 0101001088183 Ngân hàng V1 của anh Nguyễn Văn Đ.

+ Ngày 15/7/2022, do không có tiền trả chi phí thuê xe ô tô của anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988, trú tại xóm Y, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, N đã giả danh người Nhật tên A2 để nhắn tin lừa chị P1 chuyển tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản số 0101888138222 Ngân hàng V1 của anh Nguyễn Văn B với lý do chi phí chạy xuất khẩu lao động để trả tiền thuê xe cho anh B.

Khoảng tháng 8/2020, do nhiều yếu tố tác động từ chuyện tiền bạc (tiền chuyển cho những người mà N giả danh) nên vợ chồng chị P1 phát sinh mâu thuẫn, chị P1 nghi ngờ chồng mình ngoại tình và tâm sự với N. Lợi dụng sự việc này, N (mạo danh Phan Thu T10) liên lạc và đề nghị giúp chị P1 thuê người điều tra, tìm bằng chứng về việc ngoại tình của chồng chị P1 (trong quá trình đó, N thường xuyên nói chuyện, tâm sự với chị P1 về việc T10 có quen biết nhiều thám tử, người chuyên điều tra đời tư của người khác...). Các chi phí thuê người điều tra thì T10 (do N mạo danh) đưa ra lý do không muốn cho số tài khoản cá nhân nên đã mượn tài khoản ngân hàng của N để sử dụng và yêu cầu chị P1 chuyển tiền vào tài khoản của N.

Từ ngày 06/8/2020 đến ngày 29/3/2022, chị P1 thực hiện 164 lần chuyển khoản

với tổng số tiền 1.272.798.000 đồng vào 04 tài khoản ngân hàng khác nhau đều mang tên Hà Thị Lan N gồm: Tài khoản số 8100124122019 (789.100.000 đồng); tài khoản số 0975557994 (137.400.000 đồng) đều của Ngân hàng M4; tài khoản số 0121100022193009 Ngân hàng O (264.798.000 đồng); tài khoản số 3889688888 Ngân hàng S2 (81.500.000 đồng).

Đến khi chị P1 không còn tiền, lâm vào tình trạng nợ nần do vay nợ nhiều người, chị P1 yêu cầu N phải ra ngân hàng mở tài khoản để lấy lại tiền thì N lại tiếp tục dàn dựng thông tin rằng tài khoản ngân hàng của N có vấn đề liên quan tới hoạt động vi phạm pháp luật như: Tài khoản đã từng sử dụng để đánh bạc qua mạng, A1 hack vào lấy thông tin bị cơ quan pháp luật phát hiện... nên không mở khóa để rút tiền ra được, nếu muốn rút tiền thì phải chuyển tiền cho một người quen của N tên là H13 (nhân viên ngân hàng – sử dụng tài khoản ngân hàng mang tên Dương Thị L1) để nhờ người này “chạy” giải quyết các vấn đề vi phạm, khi yêu cầu được gặp trực tiếp người tên H13 thì N lại nói H13 không đồng ý và chỉ làm việc với chủ tài khoản là N. Chị P1 vì sốt ruột muốn lấy lại tiền nên tiếp tục vay mượn, chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng do N cung cấp.

Từ ngày 28/9/2021 đến ngày 12/12/2021, chị P1 14 lần chuyển khoản tổng số tiền 72.000.000 đồng vào các tài khoản số 3860197989999 Ngân hàng M4; tài khoản số 51010000785711 Ngân hàng B2 đều mang tên Dương Thị L1, sinh năm 1992, trú tại 52b, Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau đó, N nhờ chị L1 chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản số 16923456789 Ngân hàng S2 của chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989 trú tại xóm D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An để thanh toán tiền phường; N trả nợ cho chị L1 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại 61.000.000 đồng N nhờ chị L1 chuyển trả vào các tài khoản của N.

Đồng thời lúc đó, N (mạo danh Phan Thu T10) cũng để nhắn tin cho chị P1 tạo tình huống rằng T10 đã biết A1 liên lạc với chị P1, đe dọa sẽ tung toàn bộ clip, ảnh ngoại tình của chồng chị P1 đã thu thập được lên mạng xã hội và buộc chị P1 chuyển tiền. Khi chị P1 nói chuyện về việc này, N lại đưa ra thông tin bịa đặt để thuyết phục chị P1 rằng bản thân đã từng được T10 cho xem hình ảnh, clip ngoại tình của chồng chị P1 và nói cứ chuyển tiền theo yêu cầu của Phan Thu T10 vào tài khoản của N mà T10 đang giữ vì N đã khóa tài khoản rồi nên không sợ mất tiền. Sau một thời gian, N lại nói với chị P1 rằng khi T10 đi rút tiền thì phát hiện tài khoản bị khóa nên đã thuê người đánh N và A1 nên yêu cầu chị P1 tiếp tục chuyển tiền theo yêu cầu của Phan Thu T10 nếu không người đó sẽ tìm cách làm hại các thành viên trong gia đình chị P1. Từ ngày 30/8/2021 đến ngày 10/11/2021, chị P1 thực hiện 30 lượt chuyển khoản tổng số tiền 174.950.000 đồng vào tài khoản số 0121100022193009 Ngân hàng OCB mang tên Hà Thị Lan N.

Khi không còn cách để lừa chị P1 chuyển tiền, N lại lập tài khoản Facebook “N” giả danh người khác tên là A1 liên lạc với chị P1, tự giới thiệu là hacker được Phan Thu T10 thuê để điều tra nhưng không thanh toán tiền, yêu cầu chị P1 phải chuyển trả tiền cho người này vào nhiều tài khoản khác nhau như sau:

+ Ngày 14/7/2022, chị P1 chuyển khoản 1.500.000 đồng vào tài khoản số 19035418557019 Ngân hàng T14 của anh Trần Mạnh H6, sinh năm 1971, trú tại xóm

T, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. N sử dụng 1.500.000 đồng này để trả tiền thuê nhà cho anh H6.

+ Ngày 16/7/2022, chị P1 chuyển 3.200.000 đồng vào tài khoản số 51810000457256 Ngân hàng B2 của chị Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 1996, trú tại phòng 12A14, Chung cư E thuộc khối B, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Trước khi chị P1 chuyển tiền, N liên lạc với chị D1 nói dối rằng tài khoản của N bị lỗi nên mượn tài khoản ngân hàng của chị D1 để nhận tiền của người quen chuyển tới và nhờ chị D1 chuyển lại vào tài khoản số 001062412 Ngân hàng VIB của N.

+ Từ ngày 14/9/2022 đến ngày 01/10/2022, chị P1 23 lần chuyển khoản với tổng số tiền 39.650.000 đồng vào tài khoản số 106605012002 Ngân hàng P2 của anh Trần Đức K, sinh năm 2002, trú tại xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Sau đó, N liên lạc nói anh K do chuyển nhầm nên nhờ K chuyển lại 38.727.000 đồng vào tài khoản số 0975557994 Ngân hàng MB và tài khoản số 38896888888 Ngân hàng S2 mang tên N. Số tiền còn lại 923.000 đồng N thanh toán tiền mua hàng cho anh K.

Thời điểm này, lợi dụng việc chị P1 đang ảnh hưởng tâm lý bởi các vấn đề về hoàn cảnh gia đình, tiền bạc nên N lại tiếp tục giả danh những người tên A1 (hacker), Lê Anh C (bạn của A1) liên lạc với chị P1 về việc thuê A1 để xác định được vị trí, thông tin của T11, T10 nhằm đòi lại tiền, rồi sự việc A1 bị cơ quan Công an bắt và sợ rằng sẽ khai ra các nội dung liên quan đến chị P1... tiếp tục yêu cầu chị P1 nhiều lần chuyển tiền vào các tài khoản khác nhau như sau:

+ Ngày 14/7/2022 đến ngày 30/8/2022, chị P1 chuyển 2.494.000 đồng vào tài khoản số 000002051997 Ngân hàng MB của anh Phan Thế S1, sinh năm 1997, trú tại khối Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Số tiền này N thanh toán 994.000 đồng chi phí giao hàng, còn lại 1.500.000 đồng N nói chuyển nhầm tiền vào tài khoản nên nhờ anh S1 chuyển lại vào tài khoản số 0975557994 Ngân hàng MB của N.

+ Ngày 18/7/2022, chị P1 chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản số 161610101088888 Ngân hàng E của anh Trần Văn H7, sinh năm 1986, trú tại khối A, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Số tiền này N sử dụng để thanh toán tiền thuê xe ô tô trước đó N đã thuê tại cửa hàng cho thuê xe tự lái của anh H7.

+ Ngày 17/9/2022, chị P1 chuyển khoản 1.500.000 đồng vào tài khoản số 0101001171194 Ngân hàng V1 của anh Trần Văn A1, sinh năm 1994, trú tại phòng 12A14, Chung cư E thuộc khối B, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Trước đó, N liên lạc anh A1 nói mượn tài khoản ngân hàng của anh A1 để nhận tiền từ người quen vì tài khoản bị lỗi. N đã nhận 1.500.000 đồng tiền mặt từ anh A1.

Tháng 3/2023, nghi ngờ toàn bộ nội dung sự việc nêu trên, chị P1 trực tiếp gặp, hỏi thì Hà Thị Lan N thừa nhận quá trình chơi thân với chị P1, do nợ nần nhiều nên N đã giả danh nhiều cá nhân khác nhau để dàn dựng ra các câu chuyện không có thật nhằm chiếm đoạt tiền của chị P1. Các tài khoản ngân hàng có liên quan là của N hoặc của bạn bè, người quen, những người làm nghề shipper mà Ngọc Q2 (khi chị P1 chuyển tiền vào các tài khoản đó thì họ sẽ chuyển tiền lại cho N) và thừa nhận toàn bộ tiền chiếm đoạt được N đã sử dụng vào mục đích trả các khoản nợ, chi tiêu cá nhân và chơi phường hội.

- *Vật chứng của vụ án gồm:* Các tài liệu, giấy tờ liên quan do người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp đã được lưu vào hồ sơ vụ án.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Hà Thị Lan N đã trả lại cho chị Trần Hà P 27.100.000 đồng. Chị Trần Hà P yêu cầu Hà Thị Lan N trả tiếp số tiền 2.892.844.000 đồng.

- *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2024/HS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, đã quyết định:*

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hà Thị Lan N 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An buộc bị cáo Hà Thị Lan N phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 19 (mười chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Hà Thị Lan N.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

+ Buộc bị cáo Hà Thị Lan N phải trả lại cho chị Trần Hà P số tiền 2.586.080.000 đồng.

+ Truy thu của chị Phan Thị Hà T3 2.650.000 đồng, chị Tô Thị Kim T7 221.300.000 đồng, anh Đinh Hữu T6 25.000.000 đồng, chị Trần Thị N1 7.500.000 đồng, chị Trần Thị Hồng H5 4.500.000 đồng, chị Lương Thu T2 20.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Kiều T5 6.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Phương A 3.000.000 đồng, anh Trần Công V 319.000 đồng, chị Nguyễn Thị H1 5.750.000 đồng, chị Đoàn Thị T8 245.000 đồng, chị Dương Thị L1 1.000.000 đồng, anh Trần Mạnh H6 1.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn B 2.000.000 đồng, anh Trần Văn H7 3.000.000 đồng, chị Trần Thị H3 3.000.000 đồng để trả lại cho bị hại chị Trần Hà P. Tổng cộng: 306.764.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ thi hành án dân sự, quyền khởi kiện vụ án dân sự của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- *Ngày 28/8/2024 bị cáo Hà Thị Lan N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 12/10/2024 người bị hại chị Trần Hà P có đơn kháng cáo yêu cầu truy thu đầy đủ các khoản tiền chị đã chuyển vào tài khoản của bị cáo Hà Thị Lan N, chị Hà Thị Lan P1, anh Nguyễn Văn Đ để đảm bảo việc bồi thường cho chị theo đúng quy định của pháp luật.*

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Hà Thị Lan N vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do không có ai trông nuôi con và phải đưa con đi khám bệnh.

- Người bị hại chị Trần Hà P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Tổng số tiền chị bị lừa đảo chiếm đoạt là 2.919.944.000 đồng và chị đã cung cấp đầy đủ chứng từ chuyển khoản nhưng bản án sơ thẩm chỉ tuyên truy thu số tiền

306.764.000 đồng là không phản ánh đúng mức độ thiệt hại. Vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm làm rõ việc sử dụng các khoản tiền chi đã chuyển qua các tài khoản của bị cáo Hà Thị Lan N, chị Hà Thị Lan P1, anh Nguyễn Văn Đ để truy thu, trả lại cho chị theo đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của bị cáo Hà Thị Lan N và kháng cáo của người bị hại chị Trần Hà P là trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trần Hà P có kháng cáo vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị cáo Hà Thị Lan N vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bận nuôi con và đưa con đi khám bệnh là không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và sự vắng mặt của bị cáo, người bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Thị Lan N và kháng cáo của người bị hại chị Trần Hà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo, xét thấy mức hình phạt bản án sơ thẩm đã quyết định là cao, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Hà Thị Lan N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị cáo Hà Thị Lan N và đơn kháng cáo của người bị hại chị Trần Hà P là trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại chị Trần Hà P có kháng cáo vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị cáo Hà Thị Lan N vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bận nuôi con và đưa con đi khám bệnh, xét thấy lý do bị cáo Hà Thị Lan N xin hoãn phiên tòa không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không vì lý do chính đáng và sự vắng mặt của bị cáo, người bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử

vụ án theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tội danh, điều luật áp dụng:

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo Hà Thị Lan N trong quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Do cần tiền tiêu xài, chơi phùng hụi và trả nợ cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2022, Hà Thị Lan N đã lợi dụng mối quan hệ thân thiết, nắm bắt được hoàn cảnh gia đình, cuộc sống cá nhân, diễn biến tâm lý của chị Trần Hà P, đã tác động, thao túng tâm lý, giả danh nhiều cá nhân khác nhau, tiến hành liên lạc, trao đổi, thỏa thuận với chị Trần Hà P về các nội dung như chạy đi xuất khẩu lao động, thuê điều tra, vay tiền, dàn dựng các tình huống không có thật và Hà Thị Lan N đã sử dụng 45 tài khoản ngân hàng khác nhau gồm của bản thân, người thân, bạn bè, người quen để lừa đảo chiếm đoạt của chị Trần Hà P số tiền 2.919.944.000 đồng (hai tỷ chín trăm mười chín triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Do đó, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Hà Thị Lan N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự an ninh – an toàn xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện tội phạm để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nhiều lần, nhân thân đã bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh xét xử 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đang được tạm hoãn thi hành án do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó, cần xử phạt nghiêm minh để răn đe, giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Xét thấy mức hình phạt 16 (mười sáu) năm tù mà bản án sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo là phù hợp với tính chất của tội phạm, tương xứng với hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm xảy ra và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới có ý nghĩa nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Nhân thân bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tuyên phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 nhưng bị cáo chưa chấp hành án nên bản án sơ thẩm tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án: 19 (mười chín) năm 06 (sáu) tháng tù là đúng pháp luật.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội của mình, bị cáo Hà Thị Lan N đã sử dụng

các tài khoản ngân hàng để lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 2.919.944.000 đồng (hai tỷ chín trăm mười chín triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) của người bị hại chị Trần Hà P. Kết quả điều tra xác định, làm rõ được trong số tiền bị cáo lừa đảo, chiếm đoạt có tổng số tiền 306.764.000 đồng có số tài khoản, người nhận rõ ràng và bản án sơ thẩm đã quyết định truy thu số tiền trên để trả lại cho chị Trần Hà P. Đối với số tiền còn lại chuyển khoản thông qua các tài khoản ngân hàng của bị cáo Hà Thị Lan N, anh Nguyễn Văn Đ và chị Hà Thị Lan P1; cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh xác định được các tài khoản này có nhiều biến động nhưng không làm rõ được các khoản tiền bị cáo chiếm đoạt của chị Trần Hà P đã chuyển khoản cho ai, không có cơ sở để truy thu; do đó bản án sơ thẩm buộc bị cáo Hà Thị Lan N phải chịu trách nhiệm bồi thường cho chị Trần Hà P số tiền 2.586.080.000 đồng (sau khi trừ đi số tiền 27.100.000 đồng bị cáo đã bồi thường và khoản tiền truy thu 306.764.000 đồng) là có cơ sở và đã đảm bảo quyền lợi cho chị Trần Hà P theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Thị Lan N và kháng cáo của người bị hại chị Trần Hà P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Hà Thị Lan N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, người bị hại chị Trần Hà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Thị Lan N và kháng cáo của người bị hại chị Trần Hà P. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2024/HS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An như sau:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hà Thị Lan N 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; buộc bị cáo Hà Thị Lan N phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 19 (mười chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Hà Thị Lan N.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

+ Buộc bị cáo Hà Thị Lan N phải trả lại cho chị Trần Hà P số tiền 2.586.080.000 đồng (hai tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Truy thu của chị Phan Thị Hà T3 2.650.000 đồng, chị Tô Thị Kim T7 221.300.000 đồng, anh Đinh Hữu T6 25.000.000 đồng, chị Trần Thị N1 7.500.000 đồng, chị Trần Thị Hồng H5 4.500.000 đồng, chị Lương Thu T2 20.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Kiều T5 6.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Phương A 3.000.000 đồng, anh Trần Công V 319.000 đồng, chị Nguyễn Thị H1 5.750.000 đồng, chị Đoàn Thị T8 245.000 đồng, chị Dương Thị L1 1.000.000 đồng, anh Trần Mạnh H6 1.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn B 2.000.000 đồng, anh Trần Văn H7 3.000.000 đồng, chị Trần Thị H3 3.000.000 đồng để trả lại cho bị hại chị Trần Hà P. Tổng cộng: 306.764.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự hợp nhất năm 2024 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự hợp nhất năm 2024; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự hợp nhất năm 2024.

2. Về án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Hà Thị Lan N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.
- Người bị hại chị Trần Hà P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1- TANDTC;
- Viện CT&KSXXPT-VKSND tối cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- CA tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo, bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, HCTP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng